

Bản án số: 167/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2026

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Đăng Khoa**
2. Bà **Lê Thanh Thủy**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang tham gia phiên tòa:** Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 302/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 307/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Lê Mỹ P**, sinh năm 2006.

Địa chỉ: Ấp M, xã C, tỉnh A.

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Hải Dương**, sinh năm 2000

Địa chỉ: Tổ 7, ấp AT, xã B, tỉnh A

(nay là ấp AN, xã B, tỉnh A).

(Bà Lê Mỹ P có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Hải D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Mỹ P trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Hải D chung sống với nhau từ năm 2024 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh K (nay là xã B, tỉnh A). Trước khi chung

sống vợ chồng có tìm hiểu nhau, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép. Trong thời gian chung sống bà và ông D không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Sau thời gian chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sống không hoà hợp, sống không hạnh phúc.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà cảm thấy không hạnh phúc khi chung sống với nhau, nên bà có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hải D.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Bị đơn ông Nguyễn Hải D** đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng ông Nguyễn Hải D vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

*** Tại Biên bản xác minh ngày 01/7/2026 đối với Ban Lãnh Đạo ấp AN, xã B, tỉnh A:**

Ban lãnh đạo ấp AN, xã B, tỉnh A xác nhận ông Nguyễn Hải D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, tỉnh A (nay là ấp AN, xã B, tỉnh A) và hiện tại đương sự đi làm ăn nhưng vẫn thường xuyên về nhà.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Lê Mỹ P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hải D nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp ly hôn*”. Bị đơn

ông Nguyễn Hải D có nơi cư trú tại ấp A, xã B, tỉnh A (nay là ấp AN, xã B, tỉnh A) nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Bà Lê Mỹ P có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với ông Nguyễn Hải D thì Tòa án đã tổng đạt đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Hải D vẫn vắng mặt không lý do và chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Mỹ P. Do đó căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Mỹ P và ông Nguyễn Hải D xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh K (nay là xã B, tỉnh A) do đó quan hệ hôn nhân của bà Lê Mỹ P và ông Nguyễn Hải D là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Mỹ P yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hải D: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Lê Mỹ P xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên sau đó có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù bà đã cố gắng giải quyết những bất đồng, những mâu thuẫn phát sinh nhưng vẫn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Mặc dù Tòa án đã mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên bà Lê Mỹ P và ông Nguyễn Hải D hàn gắn đoàn tụ, đồng thời Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để ông Nguyễn Hải D có mặt tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Hải D vắng mặt, đồng thời bà Lê Mỹ P cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hải D. Hội đồng xét xử thấy rằng bà Lê Mỹ P không còn tự nguyện chung sống với ông Nguyễn Hải D nữa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Mỹ P về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Hải D là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Lê Mỹ P xác định trong quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Hải D không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Mỹ P xác định trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung và cam kết là không có nợ chung nên không yêu

cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Hải D đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Nguyễn Hải D vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hoà giải, không tiến hành đối chất được về tài sản chung và nợ chung giữa bà Lê Mỹ P và ông Nguyễn Hải D. Do đó, về tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Mỹ P về việc tranh chấp ly hôn đối với ông Nguyễn Hải D.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Mỹ P là nguyên đơn trong vụ án nên bà Lê Mỹ P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Mỹ P về việc “Tranh chấp ly hôn” với ông Nguyễn Hải D.

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Mỹ P được ly hôn với ông Nguyễn Hải D.

2. Về con chung: Không có con chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Mỹ P xác định không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Mỹ P phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 306555 ngày 11/5/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - A.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, điểm e khoản 1 Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 34, Điều 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Phạm Ngọc Khánh